

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2025

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn;
2. Bà Đinh Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, quyết hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).
 - Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ: Xóm A, Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại "Đơn"Đơn khởi kiện đề ngày 18/8/2024, Bản tự khai ngày 09/10/2024, Biên bản kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/11/2024, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh Đỗ Văn T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2006. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống với

nhau, tính tình không hợp nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Vợ chồng có con chung Đỗ Lê Trúc N sinh ngày 22/04/2000, Đỗ Lê Trung K sinh ngày 08/11/2004 và Đỗ Lê Trung D ngày 09/5/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giao con D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Lê Trung D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025. Đối với con N và K, hiện nay, hai con đã trên 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trình bày không có.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18 tháng 11 năm 2024, anh Đỗ Văn T trình bày: Về quan hệ hôn nhân thống nhất với chị H. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không hạnh phúc. Chị H yêu cầu ly hôn anh đồng ý. Về con chung trình bày thống nhất với chị H. Anh đồng ý yêu cầu của chị H, giao con chung Đỗ Lê Trung D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị H. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận. Nợ chung anh trình bày không có.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi HĐXX vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Ngọc H, cho chị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T; giao con Đỗ Lê Trung D cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Lê Trung D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025. Đối với con N và K, hiện nay, hai con đã trên 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Ngọc H1 và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại UBND xã N và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 10 năm 2006 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Trong quá trình chung sống, chị H1, anh T bất đồng quan điểm, không thể hiện được sự yêu thương, chăm sóc và không cùng nhau chia sẻ công việc, xây dựng gia đình, tình nghĩa vợ chồng trên thực tế không còn. Tòa án mở phiên hòa giải đề anh chị hàn gắn tình cảm, đoàn tụ nhưng anh T không có mặt. Như vậy, đủ chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H1 và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H1, chị H1 được ly hôn với anh T.

[2.3] Xét thấy vợ chồng có con chung Đỗ Lê Trúc N sinh ngày 22/04/2000, Đỗ Lê Trung K sinh ngày 08/11/2004 và Đỗ Lê Trung D sinh ngày 09/5/2014. Khi ly hôn, chị H1 yêu cầu Tòa án giao con D cho chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H1 yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025. Đối với con N và K, hiện nay, hai con đã trên 18 tuổi, tự nuôi sống bản thân nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T đồng ý với yêu cầu của chị H1, phù hợp với nguyện vọng của con Đỗ Lê Trung D muốn được sống cùng chị H1. Căn cứ khoản 2 Điều 81, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H1, giao con Đỗ Lê Trung D cho chị H1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025.

[2.4] Về tài sản chung: Chị H1, anh T trình bày không không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung trình bày không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn chị H1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân Hôn nhân và gia đình; anh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H1.

- Chị Lê Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

- Con chung Đỗ Lê Trúc N sinh ngày 22/04/2000, Đỗ Lê Trung K sinh ngày 08/11/2004 đã trưởng thành, đủ khả năng lao động và tự nuôi sống bản thân.

- Giao con Đỗ Lê Trung D sinh ngày 09/5/2014 cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Đỗ Văn T phải cấp dưỡng nuôi con Đỗ Lê Trung D mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi con D đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01 năm 2025. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con

sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khi có lý do chính đáng, chị H, anh T có thể thỏa thuận giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Chị Lê Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo biên thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004401 ngày 08/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Chị H đã thực hiện xong.

Anh Đỗ Văn T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Hòa;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thanh Hòa

